

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 12 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 và Thông báo về việc dời ngày xét xử số: 152/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trịnh Thị Mỹ H, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2025 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trịnh Thị Mỹ H trình bày:

- Về hôn nhân: Qua mai mối của gia đình, sau thời gian tìm hiểu nhau, bà và ông Nguyễn Hoàng L tổ chức lễ cưới tháng 4/2004, đăng ký kết hôn ngày 12/01/2005 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (Nay là Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng gần 20 năm nhưng không hạnh phúc, nhiều lần sống ly thân rồi đoàn tụ. Nguyên nhân do ông L không quan tâm chia sẻ công việc gia đình với bà, chi phí tiêu

dùng sinh hoạt của gia đình nhưng bà đều phải xin, ông L không tin tưởng thường hay thắc mắc nhỏ nhặt về các khoản chi phí này. Cách đây khoảng 06 năm, bà và ông L sống ly thân thời gian dài, vì thương con nên bà trở về đoàn tụ. Trong thời gian tiếp tục chung sống, ông L vẫn không thay đổi lối sống, làm cho đời sống chung tiếp tục bế tắc, đồng thời bà phát hiện ông L thường xuyên nhắn tin điện thoại nói chuyện tình cảm với người phụ nữ, khi bà khuyên nhủ thì ông L không nghe mà còn nhiều lần thách thức bà nộp đơn ly hôn. Thấy tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, ông L không còn tôn trọng nên tháng 01/2025 bà về phân đất được cha mẹ cho cất nhà ở và sống ly thân với ông L từ đó cho đến nay cả hai không còn quan tâm lẫn nhau. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà và ông L có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 30/3/2005 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã lao động tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử, bị đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Thông nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, thời gian những lần sống ly thân, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Theo ông nguyên nhân mâu thuẫn trong những lần vợ chồng sống ly thân trước đây như bà H trình bày là không lớn. Trong thời gian vợ chồng tiếp tục chung sống, ông có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác, khi vợ chồng cự cãi, ông có thách thức bà H ly hôn, hiện ông không còn nhắn tin qua lại với người phụ nữ này. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay, ông chỉ 01 lần đến gặp bà H để hàn gắn tình cảm theo động viên của Tòa án, nhưng không đạt kết quả. Theo yêu cầu khởi kiện của bà H, nay ông có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Ông còn tình cảm với bà H, nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Cháu Q đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, đã lao động tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[2] Về phạm vi xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét ngoài yêu cầu ly hôn, ý kiến về con chung như nhận định giải quyết tại các mốc đơn [1], [2] “Về nội dung”, các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà H và ông L là vợ chồng hợp pháp. Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nhiều lần ly thân là do ông L không quan tâm đúng mức việc giúp đỡ, chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với bà H, chăm lo xây dựng hạnh phúc của vợ chồng, thiếu tin tưởng và chấp nhận chỉ tiêu sinh hoạt thường ngày. Trong thời gian vợ chồng tiếp tục chung sống, ông L vẫn không thay đổi lối sống và thiếu sự tôn trọng khi bà H góp ý về việc thường xuyên nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác thì thách thức bà H ly hôn là vi phạm nghiêm trọng tình nghĩa - nghĩa vụ vợ chồng. Bà H, ông L có thời gian dài sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với ông L; bản thân ông L cho rằng còn tình cảm với bà H, không muốn ly hôn, nhưng không có bất kỳ tác động nào để động viên bà H hàn gắn tình cảm. Căn cứ vào lời trình bày của bà H, ông L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận hôn nhân giữa bà H và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa bà H và ông L.

[2] Về con chung: Xét chị Q là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã tự lao động nuôi sống bản thân. Bà H, ông L thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng tại các mốc đơn [1], [2] “Về tố tụng” và các mốc đơn [1], [2] “Về nội dung”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, không chấp nhận ý kiến đề nghị của ông L, giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết bà H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 188 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trịnh Thị Mỹ H và ông Nguyễn Hoàng L.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ Q đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần và đã tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trịnh Thị Mỹ H phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0005644 ngày 14 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt bà Trịnh Thị Mỹ H, ông Nguyễn Hoàng L. Báo cho cho bà H, ông L biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2 - Vĩnh Long: 02;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã N: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân